

Bản án số: 53/2020/HSST
Ngày: 19-6-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị
2. Ông Trần Văn Bể

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có; nhân thân: Năm 2017 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2019 xuất ngũ về địa phương; tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

- Bị hại: 1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1963 (có mặt).

2. Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1958 (có mặt).

Đều cư trú tại: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Cháu Trần Tuấn A, sinh năm 2018;

Người đại diện cho cháu A là chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Cháu Đào Minh V, sinh năm 2008;

Người đại diện cho cháu V là chị Nhâm Thị Hồng D, sinh năm 1988(vắng mặt).

3. Cháu Trần Ngọc U, sinh năm 2012;

Người đại diện cho cháu U là anh Trần Văn Đ, sinh năm 1963 (vắng mặt).

4. Cháu Lương Ngọc Huyền M, sinh năm 2018;

Người đại diện cho cháu M là anh Lương Ngọc H, sinh năm 1998 (có mặt).

Đều cư trú tại: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

5. Chị Trần Thị Hồng V, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình;

6. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Trú tại: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình;

Người đại diện cho cháu Hoa là ông Nguyễn Xuân Tr – Bí thư đoàn thị trấn H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 08 giờ ngày 27 tháng 01 năm 2020, Lê Văn T đi bộ đến nhà bà Trần Thị N ở cùng thôn với mục đích trộm cắp tài sản. Quan sát thấy không có ai ở nhà, T đi vào khu vực nhà bếp, phát hiện trong nhà tắm có treo nhiều quần áo. T lục tìm tài sản, thấy bên trong túi chiếc áo khoác có một chiếc ví vải màu xanh xám, T mở ví lấy số tiền 915.000 đồng bỏ vào túi áo khoác đang mặc, T vất chiếc ví xuống nền nhà tắm. Sau đó, T tiếp tục sang nhà bà Trần Thị Tr ở cạnh nhà bà Núi. Quan sát xung quanh thấy không ai ở nhà, cửa nách không khóa chỉ cài then bên ngoài, T dùng tay rút then cửa đi vào trong phòng ngủ của nhà bà Trái, phát hiện một chiếc ví màu đen để ở đầu giường. T cầm ví lên xem thấy bên trong ví một ngăn có một phong bì thư và một phong bao lì xì màu đỏ, bên trong đựng tiền; một ngăn có nhiều tiền lẻ gồm nhiều mệnh giá. T lấy toàn bộ số tiền có trong ví được 3.970.000 đồng bỏ vào túi áo khoác đang mặc rồi vất ví ở đầu giường, vất vỏ phong bì và phong bao lì xì xuống nền nhà. T đi ra gian phòng khách có ban thờ, thấy trên mâm ngũ quả có tiền, gồm nhiều mệnh giá khác nhau, T lấy được tổng cộng 150.000 đồng bỏ vào túi áo khoác rồi đi ra theo lối cửa nách, khép cửa lại đi về nhà. Tại nhà T, T lấy 110.000 đồng (mệnh giá 2.000 đồng) trong số tiền trộm cắp cho vào trong túi nilong màu vàng, bên trong túi đã có sẵn 3.000 đồng của T để từ trước, rồi treo trên móc quần áo trong nhà tắm. Số tiền còn lại, T mang đi mừng tuổi các cháu ở cùng thôn hết tổng số 235.000 đồng, trong đó: Mừng tuổi cho cháu Trần Tuấn A (con chị M) số tiền 105.000 đồng; cháu Đào Minh V (con chị D) số tiền 50.000 đồng; cháu Trần Ngọc U (con anh Đ) số tiền 30.000 đồng; cháu Lương Ngọc Huyền M (con anh H) số tiền 50.000 đồng; sử dụng 70.000 đồng để cắt tóc tại quán của chị Trần Thị Hồng V ở thị trấn H; sử dụng 20.000 đồng để mua trà sữa của chị Nguyễn Thị Quỳnh H. Số tiền 4.600.000 đồng, khi bị triệu tập làm việc, T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, thu giữ 01 túi nilong màu vàng bên trong đựng số tiền 113.000 đồng; 01 (một) chiếc áo khoác màu cam, bên trong viền túi áo có gắn nhãn DUMIDLAN, đã

qua sử dụng; 01 (một) chiếc quần dài, vải nỉ màu xám, có nhãn hiệu FILA, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép màu đen, trắng, trên mỗi chiếc dép đều có dòng chữ NIKE màu trắng, đã qua sử dụng.

Bản cáo trạng số 42/CT- VKSHH ngày 04-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Văn T như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 372, 579, 580, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và những người bị hại là bà Tr và bà N, buộc bị cáo phải bồi thường, trả lại cho bà Tr số tiền 4.123.000 đồng, trả lại cho bà N số tiền 915.000 đồng (số tiền hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H quản lý).

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 ví màu đen (loại ví nam), kích thước (22x11)cm, bên trong ví có khóa kéo màu đen; 01 ví vải màu xanh, xám, gắn mác “Ladoda 39 Phủ Doãn”, kích thước (18x9)cm; 01 túi ni lông màu vàng; 01 chiếc áo khoác màu cam, bên trong viền túi áo có gắn nhãn DUMIDLAN, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần dài, vải nỉ màu xám, có nhãn hiệu FILA; 01 đôi dép màu đen, trắng, trên mỗi chiếc dép đều có dòng chữ NIKE màu trắng, đều đã qua sử dụng; 01 vỏ bao lì xì màu đỏ, kích thước (17x9)cm, trên vỏ lì xì có chữ “Điện Máy Xanh 2020”; 01 vỏ phong bì thư màu trắng, viền xanh đỏ, trên phong bì có chữ “tập thể GV; NV khối tiểu học trường TH-THCS Chiền Lương” và chữ “Chúc Mừng Năm Mới”, bị xé góc, kích thước (18x11,5)cm. Trả lại cho bà Tr số tiền 4.123.000 đồng, trả lại cho bà N số tiền 915.000 đồng. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người đại diện cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Đơn đề nghị và lời khai của những người bị hại là bà Trần Thị Tr và bà Trần Thị N (Bút lục từ số 132 đến số 135 và từ số 142 đến số 145); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường (Bút lục từ số 12 đến số 21); bản ảnh hiện trường và bản ảnh vật chứng (Bút lục từ số 196 đến số 208); biên bản khám xét hồi 13 giờ 50 phút ngày 27/01/2020 tại chỗ ở của Lê Văn T (Bút lục số 09, 10); các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (Bút lục từ số 56 đến số 64); lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện: cháu Trần Tuấn A, cháu Đào Minh V, cháu Trần Ngọc U, cháu Lương Ngọc Huyền M, cháu Nguyễn Thị Quỳnh H và chị Trần Thị Hồng V (Bút lục từ số 168 đến số 164). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 27/01/2020, tại Thôn Th, xã M, huyện H Lê Văn T đã có hành vi trộm cắp số tiền 915.000 đồng của bà Trần Thị N và số tiền 4.120.000 đồng của bà Trần Thị Tr. Tổng số tiền Lê Văn T trộm cắp là 5.035.000 đồng (năm triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Lê Văn T là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là tảo bạo thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi địa phương xảy ra tội phạm.

[4] Xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bản thân bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 4.600.000 đồng để trả cho người bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn; những người bị hại (bà Tr, bà N) đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ các nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và những người bị hại. Số tiền 5.038.000 đồng (do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H quản lý của bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp để trả lại cho bị hại). Bị cáo T trả lại cho bà N số tiền 915.000 đồng và trả lại cho bà Tr số tiền 4.123.000 đồng (số tiền này hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H quản lý).

[6] Về xử lý vật chứng: 01 ví màu đen (loại ví nam), kích thước (22x11)cm, bên trong ví có khóa kéo màu đen; 01 ví vải màu xanh, xám, gắn mác “Ladoda 39 Phủ Doãn”, kích thước (18x9)cm; 01 túi ni lông màu vàng; 01 chiếc áo khoác màu cam, bên trong viền túi áo có gắn nhãn DUMIDLAN, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần dài, vải nỉ màu xám, có nhãn hiệu FILA; 01 đôi dép màu đen, trắng, trên mỗi chiếc dép đều có dòng chữ NIKE màu trắng, đều đã qua sử dụng; 01 vỏ bao lì xì màu đỏ, kích thước (17x9)cm, trên vỏ lì xì có chữ “Điện Máy Xanh 2020”; 01 vỏ phong bì thư màu trắng, viền xanh đỏ, trên phong bì có chữ “tập thể GV; NV khối tiểu học trường TH-THCS Chiền Lương” và chữ “Chúc Mừng Năm Mới”, bị xé góc, kích thước (18x11,5)cm là những tài sản của người bị hại, của bị cáo không

còn giá trị sử dụng, những người bị hại và bị cáo đều có ý kiến không xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với cháu Trần Tuấn A, sinh năm 2018; cháu Đào Minh V, sinh năm 2008; cháu Trần Ngọc U, sinh năm 2012; cháu Lương Ngọc Huyền M, sinh năm 2018 là những người được T mừng tuổi. Tuy nhiên, do các cháu đều chưa đủ 16 tuổi và khi nhận tiền mừng tuổi của T, các cháu đều không biết đó là tiền do T trộm cắp mà có. Đại diện cho các cháu là chị M, chị D, anh Đ và anh H đã tự nguyện nộp lại số tiền do T mừng tuổi cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để trả lại cho người bị hại là đúng theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với chị Trần Thị Hồng V và cháu Nguyễn Thị Quỳnh H là những người nhận tiền công cắt tóc 70.000 đồng và tiền bán trà sữa 20.000 đồng của bị cáo T, khi nhận tiền họ không biết đó là tiền do T trộm cắp mà có. Đây là giao dịch ngay tình, chị V, chị H được hưởng số tiền này, nhưng chị V và chị H đã tự nguyện nộp số tiền này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để trả lại cho người bị hại và không yêu cầu bị cáo T phải trả số tiền trên cho họ.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T **06 (sáu) tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1(một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và những người bị hại. Số tiền 5.038.000 đồng, trong đó trả cho bà N số tiền 915.000 đồng và trả cho bà Tr số tiền 4.123.000 đồng (số tiền này hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H quản lý theo biên bản giao, nhận ngày 08-5-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 ví màu đen (loại ví nam), kích thước (22x11)cm, bên trong ví có khóa kéo màu đen; 01 ví vải màu xanh, xám, gấn mác “Ladoda 39 Phủ Doãn”, kích thước (18x9)cm; 01 túi ni lông màu vàng; 01 chiếc áo

khoác màu cam, bên trong viền túi áo có gắn nhãn DUMIDLAN, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần dài, vải nỉ màu xám, có nhãn hiệu FILA; 01 đôi dép màu đen, trắng, trên mỗi chiếc dép đều có dòng chữ NIKE màu trắng, đều đã qua sử dụng; 01 vỏ bao lì xì màu đỏ, kích thước (17x9)cm, trên vỏ lì xì có chữ “Điện Máy Xanh 2020”; 01 vỏ phong bì thư màu trắng, viền xanh đỏ, trên phong bì có chữ “tập thể GV; NV khối tiểu học trường TH-THCS Chiền Lương” và chữ “Chúc Mừng Năm Mới”, bị xé góc, kích thước (18x11,5)cm. (những vật chứng trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo T, bà N, bà Tr, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị V, chị H, chị M, chị D, anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Nhàn

